

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2477/BNN-KHCN

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2020

V/v báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN năm 2020, 05 năm 2016 – 2020

Kính gửi: Các Viện, Trường, Trung tâm thuộc Bộ, Doanh nghiệp triển khai nhiệm vụ KH&CN

Căn cứ Công văn số 254/BKHCN-KHTC ngày 7/02/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN năm 2020, 05 năm 2016 – 2020 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VỀ KH&CN VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách về KH&CN và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2016-2020

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nội dung về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (ĐMST), trong đó chú trọng các nội dung:

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp ĐMST và phát triển doanh nghiệp KH&CN, lấy doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia, các sản phẩm sáng tạo phục vụ trực tiếp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, năng suất, chất lượng theo chuỗi giá trị;

- Nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới công nghệ, ĐMST và đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng trong doanh nghiệp; khuyến khích khởi nghiệp ĐMST; cơ chế ưu đãi, phát triển doanh nghiệp ĐMST;

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách đầu tư cho KH&CN và ĐMST, nhất là từ doanh nghiệp;

- Cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, các vướng mắc trong thực hiện cơ chế khoán chi.

2. Kiến nghị về chính sách

Các cơ quan, đơn vị ngoài việc đánh giá kết quả đạt được trong giai đoạn 2016-2020, cần phân tích đánh giá tác động tích cực và tồn tại bất cập trong hoạt động quản lý và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật/hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách để đưa KH&CN vào phục vụ trực

tiếp phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia giai đoạn 05 năm 2021-2025 và 10 năm 2021-2030.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN VÀ ĐMST

Các cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả hoạt động KH&CN 05 năm 2016-2020 theo từng nội dung của hoạt động KH&CN và ĐMST, nêu được những kết quả nổi bật với các số liệu cụ thể minh chứng đóng góp của KH&CN, ĐMST vào phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và kinh tế - xã hội của đất nước, những tồn tại bất cập cần phải tiếp tục khắc phục để KH&CN thực sự trở thành động lực phát triển đất nước, bao gồm:

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp

a) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được giao trong các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; chỉ thị; quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Năm 2020 là năm cuối để hoàn thành kế hoạch KH&CN 5 năm 2016 – 2020. Do vậy, đối với các Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 cần đánh giá kết quả 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2020 so với mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến của khung chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổng kết đánh giá tình hình thực hiện kết quả của nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia 05 năm 2016-2020 (Biểu TK1-3, Phụ lục 1). Đánh giá cần tập trung nêu bật sự gắn kết, đóng góp của các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia, dự án KH&CN, nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ quỹ gen, nhiệm vụ KH&CN theo nghị định thư; nhiệm vụ do Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tài trợ... vào tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Việc đánh giá nhằm hướng tới phục vụ tái cơ cấu các chương trình KH&CN quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp thực sự là trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia, các sản phẩm sáng tạo phục vụ trực tiếp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, năng suất, chất lượng theo chuỗi giá trị.

(Danh mục các Chương trình/Đề án KH&CN cấp quốc gia tại các Phụ lục 2, Phụ lục 3 kèm theo Công văn này)

c) Tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở

Đánh giá kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các chương trình và nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, các chương trình phối hợp với Bộ KH&CN (nếu có). Đánh giá tập trung vào đóng góp của KH&CN đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương; tình hình thực hiện các nhiệm vụ nhằm thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (theo ba trục sản phẩm: Sản phẩm quốc gia, Sản phẩm chủ lực địa phương, Sản phẩm OCOP) để nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh; những tồn tại, bất cập và đề xuất khắc phục (có số liệu minh chứng cụ thể).

2. Phát triển tiềm lực KH&CN

a) Đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN trên địa bàn được giao quản lý; tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016; Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực KH&CN bao gồm: Chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ; đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng NSNN theo Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

a) Đánh giá việc hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; phát triển thị trường KH&CN; các hoạt động chợ công nghệ và thiết bị, kết nối cung cầu, sàn giao dịch công nghệ.

b) Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; không gian làm việc chung, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, các tổ chức ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm; hoạt động đào tạo khởi nghiệp ĐMST, các sự kiện nhằm kết nối, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST (Techfest).

4. Công tác đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân

Kết quả triển khai nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành, lĩnh vực; kết quả đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Thông tin truyền thông về năng lượng nguyên tử.

5. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN

Kết quả triển khai các hoạt động phục vụ hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN trong các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng đổi mới công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; thúc đẩy hoạt động hợp tác với các đối tác trong khu vực và thế giới về lĩnh vực KH&CN; việc thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam đối với các cam kết quốc tế, các tổ chức, diễn đàn hợp tác đa phương mà Việt Nam tham gia; kêu gọi đầu tư, đặc biệt là thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài tham gia vào các hoạt động KH&CN và ĐMST trong nước; thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư, nhiệm vụ thuộc Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến

năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

6. Thông tin và thống kê KH&CN

- Kết quả xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN.
- Kết quả thực hiện hoạt động thông tin KH&CN, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN.
- Kết quả thực hiện hoạt động thống kê KH&CN, kết quả các điều tra thống kê KH&CN và ĐMST.

7. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Đánh giá và thống kê đầy đủ số lượng, nguồn vốn và kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển (ĐTPT) cho KH&CN (các dự án mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, các dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, phân tích kiểm định kiểm nghiệm cho các tổ chức KH&CN. Báo cáo chi tiết về tình hình phân bổ vốn, giải ngân, khai thác sử dụng để làm căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các dự án mới trong kế hoạch năm 2021 và đề xuất kế hoạch trung hạn 2021-2025.

8. Các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

Đánh giá kết quả và những tồn tại, bất cập đối với các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, cụ thể:

a) Hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xác lập và phát triển tài sản trí tuệ. Đánh giá tổng hợp và chia theo nguồn: (i) NSNN cấp hoàn toàn; (ii) NSNN hỗ trợ thực hiện; (iii) Nguồn hoàn toàn của đơn vị và xã hội (số lượng, kinh phí các nhiệm vụ và hoạt động theo nguồn).

b) Hoạt động sở hữu trí tuệ: Trong phạm vi quản lý của mình, đánh giá kết quả, thành tựu, tồn tại, hạn chế các hoạt động sau: (i) việc triển khai thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; (ii) hoạt động hỗ trợ, xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân; (iii) hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ; (iv) hoạt động hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, tài sản trí tuệ; (v) hoạt động hỗ trợ khai thác nguồn thông tin sáng chế ở trong và ngoài nước phục vụ nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh.

9. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

Đánh giá tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN 05 năm 2016-2020:

Các cơ quan, đơn vị lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên

theo chức năng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp cơ sở, chương trình KH&CN trọng điểm cấp bộ; kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN... Đặc biệt, tập trung đánh giá kinh phí dành cho lương và hoạt động bộ máy qua các năm cùng với mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp;

10. Một số lưu ý khi tổng kết đánh giá hoạt động KH&CN 05 năm 2016-2020

a) Các cơ quan, đơn vị khi đánh giá cần làm rõ:

- Kết quả nổi bật của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Qua đó, có nhận xét về: tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào đời sống, phát triển sản xuất, kinh doanh của ngành hoặc địa phương, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thể hiện bằng giá trị khoa học (số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, sản phẩm khoa học và công nghệ được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ) và giá trị thực tế (doanh thu thông qua số lượng tiến bộ kỹ thuật đã được ứng dụng và chuyển giao).

- Kết quả nổi bật của các nội dung phục vụ quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực hoạt động như: Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng, Sở hữu trí tuệ, Đánh giá – Thẩm định và Giám định công nghệ, Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ hạt nhân, Thông tin KH&CN, Hợp tác quốc tế về KH&CN v.v...

- Tình hình thực hiện các cơ chế quản lý KH&CN, chính sách KH&CN, trong đó đặc biệt chú ý tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ KH&CN về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng NSNN; quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN v.v...

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các hoạt động KH&CN; các nguyên nhân chủ quan, khách quan và bài học kinh nghiệm.

- Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH&CN trong quá trình thực hiện, xây dựng cơ chế chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH&CN trong những năm tiếp theo.

b) Chú ý đánh giá một số nội dung hoạt động KH&CN khác như:

- Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, nhiệm vụ nghiên cứu

theo Nghị định thư, nhiệm vụ bảo tồn và khai thác quỹ gen và các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia khác...

- Tình hình và kết quả thực hiện các chương trình KH&CN của Bộ, ngành, địa phương;

- Tình hình và kết quả thực hiện chương trình phối hợp công tác giữa các Bộ, ngành, địa phương với Bộ KH&CN (nếu có);

c) Đối với các Chương trình Sản phẩm quốc gia về KH&CN hoặc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp – thủy sản; phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến...; các đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ nghiệm thu đúng hạn để có thể tổng kết đánh giá kết quả thực hiện theo các nội dung được phê duyệt tránh kéo dài sang kế hoạch năm 2021 làm phát sinh chi phí quản lý và đề xuất phương án cho giai đoạn 2021-2025.

II. THỜI HẠN BÁO CÁO

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN năm 2020, 05 năm 2016 - 2020 gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường), số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội trước ngày **20/5/2020**.

Ngoài văn bản gửi theo đường công văn cần gửi 01 file điện tử qua địa chỉ Email:khth.khcn@mard.gov.vn; kh.khcn@mard.gov.vn; cn.khcn@mard.gov.vn;

Để thuận tiện cho việc tổng hợp báo cáo, đề nghị đơn vị tham khảo Công văn hướng dẫn và các biểu mẫu trên các trang thông tin điện tử của Bộ: www.mard.gov.vn và www.khcn.mard.gov.vn .

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Lê Quốc Doanh (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (NVL 40).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
PHÁT TRIỂU MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Thanh Thủy



DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC
(Kèm theo Công văn số 2477/BNN-KHCN ngày 09 tháng 4 năm 2020
Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phụ lục 1:

Biểu TK1-1: Kết quả hoạt động KH&CN 05 năm 2016-2020.

Biểu TK1-2: Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật 05 năm 2016-2020.

Biểu TK1-3: Kết quả Chương trình KH&CN cấp quốc gia 05 năm 2016-2020.

Biểu TK1-4: Nhân lực và tổ chức KH&CN.

Biểu TK1-5: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.

Biểu TK1-6: Văn bản về KH&CN được ban hành.

Biểu TK1-7: Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đổi với nhiệm vụ KH&CN

Phụ lục 2: Danh mục các Chương trình/Đề án cấp quốc gia về KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phụ lục 3: Danh mục các Chương trình/Đề án cấp quốc gia về KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao bộ ngành trực tiếp quản lý.

**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan, đơn vị.....**

**Phụ lục 1
Biểu TK1-1**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
05 NĂM 2016-2020**

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, án phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			<i>Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện</i>
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất,			<i>Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực</i>

	kinh doanh của doanh nghiệp			hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả
1				
...				

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan, đơn vị....

Phụ lục 1
Biểu TK1-2

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
05 NĂM 2016-2020

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1				
2				

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan, đơn vị.....

Phụ lục 1
Biểu TK1-3

**KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
05 NĂM 2016-2020**

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1					
2					

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan, đơn vị.....

Phụ lục 1
Biểu TK1-4

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2020						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2020 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)		
			Trong đó hưởng lương SNKH									
			Tổng số	Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên				
(I)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6÷9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)		
I	Các đơn vị do bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập											
1												
2												
...												
II	Các đơn vị do bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập được giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý											
1												
2												
...												
Tổng số												

¹ Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
NĂM 2019 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ 05 NĂM 2016-2020**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)		
			Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	05 năm 2016- 2020
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai				
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ			
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ			
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ			
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ			
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ			
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ			
II	Công tác Sở hữu trí tuệ				
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ			
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn			
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng			
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ			
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA			
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK			
III	Công tác thông tin và thống kê KH&CN				
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL			
2	Ân phẩm thông tin đã phát hành	Ân phẩm, phút			
2.1	Tạp chí/bản tin KH&CN	Tạp chí/bản tin			
2.2	Phóng sự trên đài truyền hình	Buổi phát			
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu			
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN				
4.1	Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành	N.vụ			
4.2	Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện	N.vụ			
4.3	Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng	N.vụ			
5	Thống kê KH&CN				
5.1	Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng	Số cuộc/số phiếu			
5.2	Báo cáo thống kê cơ sở	Báo cáo			

a

5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nội trội)			
IV	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
V	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tinh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ ²	Doanh nghiệp		
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Trđ		
VI	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
VII	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng			
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng			
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị			
VIII	Công tác phát triển thị trường KH&CN				
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ			
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%			
IX	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia				
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp			
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án			
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp			
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị			
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức			

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan, đơn vị.....

Phụ lục 1
Biểu TK1-6

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CƠ CHẾ KHOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN 05 NĂM 2016-2020**

Số nhiệm vụ triển khai 05 năm 2016-2020		
Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Cấp Bộ, Tỉnh		
Cấp cơ sở		

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN QUỐC GIA VỀ KH&CN
ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT**

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số QĐ, ngày
I	Các Chương trình/Đề án kết thúc năm 2020	
1	Chương trình phát triển sản phẩm Quốc gia đến năm 2020	2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
2	Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020	2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
3	Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020	538/QĐ-TTg ngày 16/4/2014
4	Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020	1069/QĐ-TTg ngày 04/7/2014
5	Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1381/QĐ-TTg ngày 12/7/2016
II	Các Chương trình/Đề án tiếp tục triển khai sau năm 2020	
1	Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015
2	Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018
III	Các Chương trình/Đề án tiếp tục hoàn thiện pháp lý triển khai sau năm 2020	
1	Phát triển công nghiệp sinh học đến năm 2030 [Bộ NN&PTNT, Bộ CT, Bộ TN&MT xây dựng nội dung, lộ trình, nhiệm vụ trình Thủ tướng Chính phủ]	533/QĐ-TTg ngày 21/4/2017

DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN KH&CN CẤP QUỐC GIA
GIAO BỘ, NGÀNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số Quyết định
I	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020	11/2006/QĐ-TTg ngày 12/01/2006
2	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020	97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007
3	Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 (Tiếp tục giai đoạn 2016-2020)	45/QĐ-TTg ngày 12/01/2017
4	Đề án “Quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong nông nghiệp đến năm 2020”	775/QĐ-TTg ngày 02/06/2010